

Số: 261/2022/QĐST-HNGĐ

Lục Ngạn, ngày 08 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số: 380/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1996.

Bị đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1999.

Đều địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Văn T và anh Trần Thị Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 29/5/2018 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/5/2020 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Nguyễn Văn T, mức cấp dưỡng là 1.500.000

đồng/01 con/01 tháng (3.000.000 đồng/02 con/tháng), kể từ tháng 10/2022 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn chị Trần Thị Th có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Trần Thị Th thực hiện quyền này.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trong đó 150.000 đồng án phí về việc ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011079 ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Số 99, ngày 25/9/2017);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Phan Văn Thế**